

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Park Soon O	Ủy viên
Ông Cho Yong Hwan	Ủy viên
Ông Lee Je Won	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đào	Ủy viên
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Ủy viên
Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 05 tháng 06 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Park Soon O	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Bán hàng
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính - Nhân sự
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
EVERPIA VIỆT NAM**

S.G.C.N: 011033000055 - Đ. T. N. M. Q.
H. GIA LAM TP. HAI PHONG

Lê Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011

Số: 219 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 21. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá trong năm. Tuy nhiên, Công ty không tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ban Giám đốc đánh giá ảnh hưởng do khác biệt trong chính sách kế toán là không trọng yếu.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		517.578.676.446	320.471.799.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	194.655.450.698	130.691.248.872
1. Tiền	111		10.800.475.974	8.903.524.233
2. Các khoản tương đương tiền	112		183.854.974.724	121.787.724.639
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.850.323.292	55.001.185.760
1. Phải thu khách hàng	131		59.740.666.032	48.106.717.529
2. Trả trước cho người bán	132		22.755.293.558	9.626.015.274
3. Các khoản phải thu khác	135		5.437.433.865	3.140.793.470
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.083.070.163)	(5.872.340.513)
III. Hàng tồn kho	140	6	223.644.173.934	131.055.826.549
1. Hàng tồn kho	141		223.644.173.934	131.055.826.549
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.428.728.522	3.723.538.431
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.065.123.131	1.874.600.638
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.125.786.682	57.092.972
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		150.000.000	264.669.009
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.087.818.709	1.527.175.812
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		150.410.990.962	95.070.675.016
I. Tài sản cố định	220		137.272.715.005	87.060.076.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	113.938.369.073	61.891.992.092
- Nguyên giá	222		211.897.943.617	151.121.065.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.959.574.544)	(89.229.073.070)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	23.334.345.932	20.873.989.767
- Nguyên giá	228		37.183.200.761	32.376.298.196
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.848.854.829)	(11.502.308.429)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	4.294.095.032
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.418.360.000	3.088.360.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	2.395.160.000	2.395.160.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	4.023.200.000	693.200.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.719.915.957	4.922.238.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.576.592.860	4.397.406.610
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.143.323.097	524.831.515
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		667.989.667.408	415.542.474.628

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		93.046.567.399	80.120.336.300
I. Nợ ngắn hạn	310		90.464.162.898	80.029.992.354
1. Phải trả người bán	312		25.714.615.128	21.844.116.459
2. Người mua trả tiền trước	313		3.057.352.309	1.708.672.083
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	35.015.807.865	29.097.550.581
4. Phải trả người lao động	315		9.454.709.297	4.735.149.220
5. Chi phí phải trả	316		312.812.341	1.603.898.956
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	2.508.865.958	21.040.605.055
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	13	14.400.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330		2.582.404.501	90.343.946
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.582.404.501	90.343.946
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400	14	574.943.100.009	335.422.138.328
I. Vốn chủ sở hữu	410		574.943.100.009	335.422.138.328
1. Vốn điều lệ	411		153.279.960.000	107.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.000.000.000	71.000.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.148.026.429
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.501.804.790	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		227.161.335.219	156.074.111.899
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		667.989.667.408	415.542.474.628



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng	01	15	567.480.517.750	424.949.276.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		466.387.921	501.490.057
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	15	567.014.129.829	424.447.786.378
4. Giá vốn hàng bán	11	16	332.128.194.035	247.664.458.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		234.885.935.794	176.783.327.974
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	23.199.955.234	9.820.215.911
7. Chi phí tài chính	22	18	15.295.831.469	8.912.122.776
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		166.079.681	245.458.936
8. Chi phí bán hàng	24		49.581.432.333	33.870.934.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		65.551.490.333	33.231.075.912
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		127.657.136.893	110.589.411.017
11. Thu nhập khác	31		2.635.682.572	1.908.527.229
12. Chi phí khác	32		601.067.015	2.211.864.102
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		2.034.615.557	(303.336.873)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		129.691.752.450	110.286.074.144
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	27.320.074.341	24.095.792.014
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		102.371.678.109	86.190.282.130



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	129.691.752.450	110.286.074.144
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.177.358.208	9.658.477.701
Các khoản dự phòng	03	(2.789.270.350)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(810.373.066)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(15.449.865.014)	(4.666.671.976)
Chi phí lãi vay	06	166.079.681	245.458.936
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	121.985.681.909	115.523.338.805
(Tăng) các khoản phải thu	09	(34.954.043.198)	(99.672.258.372)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(92.588.347.385)	(56.016.457.198)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	3.494.751.644	92.822.923.634
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(3.988.200.325)	(1.076.716.572)
Tiền lãi vay đã trả	13	(166.079.681)	(271.306.936)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.776.902.298)	(11.708.181.693)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	10.405.297.167	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.680.141.582)	(3.269.386.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.267.983.749)	36.341.955.577
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang	21	(68.859.146.012)	(13.823.005.634)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	587.455.731
3. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn	23	(562.868.807.229)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	562.868.807.229	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(2.421.359.513)	(2.673.200.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.506.641.629	4.079.216.245
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.773.863.896)	(11.829.533.658)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của các cổ đông	31	150.000.000.000	90.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.006.915.895	9.810.880.435
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(21.006.915.895)	(13.450.958.212)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(10.392.040.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	139.607.960.000	86.359.922.223
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	64.566.112.355	110.872.344.142
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	130.691.248.872	19.951.750.456
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(601.910.529)	(132.845.726)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	194.655.450.698	130.691.248.872

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 3.330.000.000 VND (năm 2009 là 0 VND), là số tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lê Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2007 và các chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày 04 tháng 09 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.032 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 450).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010 (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	2010 (số năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con đang bị lỗ trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Trong năm 2009, Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Nếu thực hiện điều chỉnh hồi tố trong chính sách kế toán liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái thì lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng lên 1.148.026.429 VND và khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm đi một số tương ứng. Công ty không tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ban Giám đốc tin tưởng rằng ảnh hưởng của việc khác biệt trong chính sách kế toán là không trọng yếu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000, Công văn số 4130/TCT-CS của Bộ Tài chính gửi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 11 năm 2008 và Biên bản làm việc ngày 26 tháng 05 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ thời điểm Công ty bắt đầu kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ bảy Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 3 tháng 6 năm 2008, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động này chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	299.977.099	188.954.257
Tiền gửi ngân hàng	10.500.498.875	8.714.569.976
Các khoản tương đương tiền	183.854.974.724	121.787.724.639
	<u>194.655.450.698</u>	<u>130.691.248.872</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.425.944.332	4.646.022.048
Nguyên liệu, vật liệu	131.277.758.424	81.059.928.473
Công cụ, dụng cụ	-	29.291.664
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.987.532.657	1.269.569.746
Thành phẩm	81.776.783.983	40.598.160.724
Hàng hoá	4.918.750.804	2.128.822.176
Hàng gửi đi bán	257.403.734	1.324.031.718
	<u>223.644.173.934</u>	<u>131.055.826.549</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	27.619.520.604	106.234.313.704	12.025.810.331	3.999.843.032	1.241.577.491	151.121.065.162
Mua từ Viko (i)	15.136.363.636	30.746.022.727	-	-	-	45.882.386.363
Tăng khác trong năm	115.272.036	11.462.904.973	1.536.888.798	991.626.371	850.526.189	14.957.218.367
Giảm trong năm	-	-	-	-	62.726.275	62.726.275
Tại ngày 31/12/2010	42.871.156.276	148.443.241.404	13.562.699.129	4.991.469.403	2.029.377.405	211.897.943.617
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	16.160.524.298	67.571.348.353	1.666.330.014	3.468.762.276	362.108.129	89.229.073.070
Trích vào chi phí trong năm	1.012.202.669	5.954.573.294	958.374.916	410.535.459	400.764.796	8.736.451.134
Giảm trong năm	-	-	-	-	5.949.660	5.949.660
Tại ngày 31/12/2010	17.172.726.967	73.525.921.647	2.624.704.930	3.879.297.735	756.923.265	97.959.574.544
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	25.698.429.309	74.917.319.757	10.937.994.199	1.112.171.668	1.272.454.140	113.938.369.073
Tại ngày 31/12/2009	11.458.996.306	38.662.965.351	10.359.480.317	531.080.756	879.469.362	61.891.992.092

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với giá trị là 74.410.178.230 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 20.000.838.298 VND).

(i): Tài sản cố định tăng trong năm chủ yếu là từ Hợp đồng số 829/2009/MBTS ngày 22 tháng 12 năm 2009 và Hợp đồng số 921/2010/MBCTXD ngày 28 tháng 12 năm 2010 ký với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa để mua lại máy móc, thiết bị và các công trình xây dựng gắn liền với quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Viko Glowin. Các tài sản này được Công ty TNHH Viko Glowin bàn giao cho Vietinbank để phát mãi tài sản thanh toán nợ vay. Tổng giá trị hai hợp đồng mua bán tài sản này là 2.500.000 USD và 3 tỷ VND đã bao gồm thuế và các nghĩa vụ tài chính khác, tương đương tổng giá trị bằng đồng Việt Nam đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng là 45.882.386.363 VND. Toàn bộ tài sản này đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	23.494.500.000	7.831.500.000	113.298.710	936.999.486	32.376.298.196
Tăng trong năm	-	-	5.160.820.479	649.083.247	5.809.903.726
Giảm trong năm	-	-	-	1.003.001.161	1.003.001.161
Tại ngày 31/12/2010	23.494.500.000	7.831.500.000	5.274.119.189	583.081.572	37.183.200.761
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	7.553.275.669	3.700.598.910	46.458.127	201.975.723	11.502.308.429
Trích vào chi phí trong năm	1.226.248.025	516.362.635	532.849.392	165.447.022	2.440.907.074
Giảm trong năm	-	-	-	94.360.674	94.360.674
Tại ngày 31/12/2010	8.779.523.694	4.216.961.545	579.307.519	273.062.071	13.848.854.829
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	14.714.976.306	3.614.538.455	4.694.811.670	310.019.501	23.334.345.932
Tại ngày 31/12/2009	15.941.224.331	4.130.901.090	66.840.583	735.023.763	20.873.989.767

Thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh giá trị theo các hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty và Công ty TNHH Viko Glowin ngày 19 tháng 12 năm 2003 và ngày 30 tháng 06 năm 2005.

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 07 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp với vốn điều lệ là 9.600.000.000 VND, số vốn các cổ đông thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.125.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con này, tương đương 5.568.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số vốn Công ty thực góp vào công ty con này là 2.395.160.000 VND.

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản đầu tư kinh doanh cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 4.400 và giá trị là 1.023.000.000 VND.

Ngoài ra, ngày 08 tháng 10 năm 2010 Công ty ký hợp đồng nguyên tắc với các cổ đông chủ chốt của Công ty Cổ phần Hà Nội Motor về việc chuyển nhượng cổ phần. Tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 30 tỷ VND. Công ty đã thực hiện đặt cọc 10% giá trị hợp đồng, tương đương 3 tỷ VND. Tuy nhiên, ngày 24 tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng với Văn phòng Luật sư ID-Gia Huy (là đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Hà Nội Motor theo hợp đồng ủy quyền ngày 10 tháng 1 năm 2011) và Công ty Cổ phần Hà Nội Motor đã chuyển trả lại tiền đặt cọc và tiền lãi phạt vào ngày 24 tháng 01 năm 2011; tổng số tiền chuyển trả là 3.324.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.158.585.512	3.033.243.294
Thuế xuất, nhập khẩu	1.484.199.215	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.456.922.399	24.913.750.356
Thuế thu nhập cá nhân	1.861.137.639	1.150.556.931
Các loại thuế khác	54.963.100	-
	35.015.807.865	29.097.550.581

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Số dư các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm khoản phải trả cho Công ty TNHH KB Investments liên quan đến việc phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi với số tiền là 17.491.000.000 VND. Khoản phải trả này đã được Công ty thanh toán trong năm.

13. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 2 tháng 3 năm 2011, Công ty trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% lợi nhuận trước thuế của năm 2010 tương ứng với số tiền là 14.400.000.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	82.200.000.000	6.000.000.000	-	33.904.895	72.612.666.391	160.846.571.286
Phát hành cổ phiếu	25.000.000.000	65.000.000.000	-	-	-	90.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	86.190.282.130	86.190.282.130
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	2.545.558.023	(2.545.558.023)	-
Tặng khác	-	-	1.148.026.429	-	-	1.148.026.429
Giảm khác	-	-	-	(2.579.462.918)	(183.278.599)	(2.762.741.517)
Số dư tại ngày 01/01/2010	107.200.000.000	71.000.000.000	1.148.026.429	-	156.074.111.899	335.422.138.328
Phát hành cổ phiếu (iii)	30.000.000.000	120.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000
Tặng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối (i)	16.079.960.000	-	-	-	(16.079.960.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	102.371.678.109	102.371.678.109
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (i)	-	-	-	4.484.454.789	(4.484.454.789)	-
Cổ tức đã chia (ii)	-	-	-	-	(10.720.040.000)	(10.720.040.000)
Giảm khác	-	-	(1.148.026.429)	(982.649.999)	-	(2.130.676.428)
Số dư tại ngày 31/12/2010	153.279.960.000	191.000.000.000	-	3.501.804.790	227.161.335.219	574.943.100.009

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty được phê duyệt tăng thêm 15% và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sẽ tăng thêm 4.484.454.789 VND trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2010, Công ty quyết định chia cổ tức với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2009. Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền 10.392.040.000 VND trong năm. Phần cổ tức còn lại với số tiền 328.000.000 VND chưa được thanh toán.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 05 tháng 6 năm 2010, Công ty quyết định tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành thêm 3.000.000 cổ phiếu cho một số đối tác chiến lược bao gồm: Red River Holdings Capital, Quỹ Thành viên Việt Nhật, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT, Công ty TNHH Đầu tư FC.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 07 tháng 9 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 153.279.960.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 31/12/2010	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	16,21%	2.484.000	24.840.000.000	16,21%	24.840.000.000
Quỹ Đầu tư Red River Holdings	12,48%	1.913.000	19.130.000.000	12,48%	19.130.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	9,16%	1.404.150	14.041.500.000	9,16%	14.041.500.000
Quỹ thành viên Việt Nhật	6,52%	1.000.000	10.000.000.000	6,52%	10.000.000.000
Các cổ đông khác	55,63%	8.526.846	85.268.460.000	55,63%	85.268.460.000
	100%	15.327.996	153.279.960.000	100%	153.279.960.000

15. DOANH THU

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm	400.275.068.912	327.225.806.048
Doanh thu thành phẩm bông	137.192.685.890	63.300.788.340
Doanh thu chăn bông	19.489.397.703	10.371.359.484
Doanh thu bán hàng hóa khác	10.523.365.245	24.051.322.563
Tổng	567.480.517.750	424.949.276.435
Các khoản giảm trừ	466.387.921	501.490.057
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>466.387.921</i>	<i>501.490.057</i>
Doanh thu thuần	567.014.129.829	424.447.786.378

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2010 VND	2009 VND
Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm	227.253.364.492	190.080.968.768
Giá vốn thành phẩm bông	86.857.982.202	35.944.599.494
Giá vốn chăn bông	11.248.746.059	5.944.756.704
Giá vốn bán hàng hóa khác	6.768.101.282	15.694.133.438
	332.128.194.035	247.664.458.404

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền gửi	15.471.441.629	4.079.216.245
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.882.940.539	5.740.999.666
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	810.373.066	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.200.000	-
	23.199.955.234	9.820.215.911

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền vay	166.079.681	245.458.936
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.129.751.788	8.666.663.840
	15.295.831.469	8.912.122.776

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010 VND	2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	129.691.752.450	110.286.074.144
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	127.657.136.893	110.286.074.144
Lợi nhuận từ hoạt động khác	2.034.615.557	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	6.399.965.364	1.825.295.606
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	845.573.066	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.200.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	810.373.066	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.245.538.430	1.825.295.606
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh	134.057.102.257	112.111.369.750
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khác	2.034.615.557	-
Thuế suất đối với hoạt động kinh doanh	20%	20%
Thuế suất đối với hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	27.320.074.341	24.095.792.014

20. CAM KẾT GÓP VỐN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	3.175.500.000	3.175.500.000

Thể hiện số vốn còn phải góp theo cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam ("Mattpia") dựa trên tỷ lệ góp vốn là 58% vốn điều lệ của Công ty Mattpia theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 07 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

250
G T
M H E
T T
N A
T P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÁC KHOẢN CAM KẾT KHÁC

Ngày 29 tháng 10 năm 2010, Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) đã có thư đề nghị cung cấp tiện ích với giá trị 1.800.000 USD cho Công ty. Theo thư này, lãi suất của bất kỳ khoản vay nào được cấp theo tiện ích này bằng 2,25%/năm cộng chi phí vốn vay.

Ngày 10 tháng 11 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng số 088DN2367/HĐTD2-VIB11/10 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tín dụng 40 tỷ VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động.

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/11EVE-HĐHM-VCBTX ngày 08 tháng 2 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với hạn mức tín dụng 120 tỷ VND, mục đích sử dụng vốn là để bổ sung vốn lưu động, thanh toán tiền nhập khẩu hàng hóa và các chi phí hợp lý khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và các mục đích khác. Tài sản thế chấp, cầm cố là công trình xây dựng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 39.346.891.000 VND.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010	2009
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	2.801.214.240	763.395.584
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	9.632.945.491	2.620.148.975

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	66.093.400	511.431.322
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	-	560.288.710

Thu nhập Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Lương gộp và các quyền lợi khác	5.130.326.224	4.936.105.277



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
